

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Văn Dân

+ Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Thu S, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ X, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Nguyễn Trọng N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ X, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2017, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Thu S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu S và anh Nguyễn Trọng N kết hôn vào năm 2002, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được hơn bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh anh Nhân có người phụ nữ khác, nên anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa, gia đình không hạnh phúc. Anh chị ly thân từ

tháng 9/2015 cho đến nay. Chị S nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 09/11/2003 và Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 16/6/2009. Hiện nay hai cháu đang sống với chị S. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định nhưng anh N không đến theo giấy triệu tập cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Thu S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Trọng N có nơi cư trú tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Ngày 23/11/2017, Công an xã V, huyện C xác nhận anh Nguyễn Trọng N có đăng ký hộ khẩu tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. Anh N thay đổi nơi cư trú nhưng không trình báo cho chính quyền địa phương và cho vợ là chị S biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của anh N và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng cho anh N tại địa chỉ chị Sương cung cấp tại đơn khởi kiện là Tổ X, ấp Đ, xã V, huyện

C, tỉnh An Giang là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị S và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103 vào ngày 12/12/2005 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị S và anh N được đoàn tụ, nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị S, điều đó chứng tỏ anh N không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị S. Theo chị S trình bày, anh N hiện có người phụ nữ khác, không còn quan tâm chăm sóc gia đình. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

2.2 Về con chung: Theo chị S trình bày, anh chị có hai con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 09/11/2003 và Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 16/6/2009. Từ khi chị S và anh N ly thân, hai cháu Thiện N và Anh T được chị S nuôi dưỡng, chăm sóc. Ngày 27/11/2017 tại Tòa án, hai cháu Nguyễn Thiện N và Nguyễn Lê Anh T đều trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống với chị S. Do đó để không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Thiện N và Anh T.

Chị S yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N và Anh T, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu tại từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, tiền cấp dưỡng do chị S đại diện nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung: Không có.

2.4 Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Chị S là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Anh N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu S được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

- Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Thu S được tiếp tục nuôi hai con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 09/11/2003 và Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 16/6/2009.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N và Anh T, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu tại từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, tiền cấp dưỡng do chị Trương Đại diện nhận.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Thu S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000816 ngày 15/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Anh Nguyễn Trọng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/01/2018). Anh Nguyễn Trọng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Giao